

SILVER 70 HMO 2250/55* + CHILD DENTAL + INFERTILITY

CHƯƠNG TRÌNH HMO CÓ TIỀN KHẤU TRỪ

ĐẶC ĐIỂM	HỘI VIÊN TRẢ
TIỀN KHẤU TRỪ CHO CHƯƠNG TRÌNH Cố định	Cá nhân — \$2,250 ¹ Gia đình — \$4,500 ¹
CHI PHÍ TỰ TRẢ TỐI ĐA Cố định	Cá nhân — \$8,200 ^{1,2} Gia đình — \$16,400 ^{1,2}
TẠI VĂN PHÒNG Y TẾ	
Thăm khám tại phòng khám chăm sóc chính	\$55
Thăm khám chăm sóc khẩn cấp	\$55
Thăm khám tại phòng khám chuyên khoa	\$90
Khám phòng ngừa, tiêm vắc-xin (chủng ngừa)	\$0 ³
Chăm sóc tiền sản	\$0 ⁴
Chăm sóc hậu sản	\$0 ⁴
Khám chăm sóc phòng ngừa dành cho trẻ em khỏe mạnh	\$0 ⁵
Tiêm thuốc điều trị dị ứng	\$5 mỗi lần khám
Dịch vụ điều trị vô sinh	50%
Vật lý trị liệu, trị liệu chức năng hoạt động và âm ngữ trị liệu	\$55
Hầu hết các xét nghiệm trong phòng thí nghiệm	\$55
Hầu hết các loại chụp X-quang và xét nghiệm chẩn đoán	\$90
Hầu hết các dạng chụp MRI/CT/PET	\$300 (sau khi trả tiền khấu trừ của chương trình)
Giải phẫu dành cho bệnh nhân ngoại trú (mỗi thủ thuật)	30% (sau khi trả tiền khấu trừ của chương trình)
DỊCH VỤ CẤP CỨU	
Khám tại Phòng Cấp Cứu (được miễn nếu nhập viện)	30% (sau khi trả tiền khấu trừ của chương trình)
Xe cứu thương	30% (sau khi trả tiền khấu trừ của chương trình)
THUỐC THEO TOA	
Thuốc gốc (số lượng thuốc dùng cho tối đa 30 ngày)	\$17 ⁶
Biệt dược (số lượng thuốc dùng cho tối đa 30 ngày)	\$80 (sau khi trả \$300 tiền khấu trừ cho thuốc) ⁶
Thuốc chuyên khoa (số lượng thuốc dùng cho tối đa 30 ngày)	30% mỗi toa thuốc, lên đến tối đa \$250 (sau khi trả \$300 tiền khấu trừ cho thuốc) ⁶
CHĂM SÓC TẠI BỆNH VIỆN	
Dịch vụ của bác sĩ, phòng nằm và thức ăn, xét nghiệm, thuốc men, vật dụng y tế, liệu pháp, dịch vụ sinh sản	30% (sau khi trả tiền khấu trừ của chương trình)
Chăm sóc tại cơ sở điều dưỡng chuyên môn (tối đa 100 ngày mỗi giai đoạn hưởng quyền lợi)	30% (sau khi trả tiền khấu trừ của chương trình)
DỊCH VỤ SỨC KHỎE TÂM THẦN	
Tại văn phòng y tế	\$55
Tại bệnh viện	30% (sau khi trả tiền khấu trừ của chương trình)
DỊCH VỤ CAI NGHIỆN	
Tại văn phòng y tế	\$55
Tại bệnh viện (chỉ cai nghiện)	30% (sau khi trả tiền khấu trừ của chương trình)
KHÁC	
Khám từ xa	\$0
Chỉnh nắn xương và châm cứu	\$55 mỗi lần khám đối với dịch vụ châm cứu do bác sĩ giới thiệu; chỉnh nắn xương không được đài thọ
Một số dụng cụ y khoa lâu bền (durable medical equipment [DME]) (Bổ sung và cơ bản)	30% ⁷
Một số bộ phận cơ thể giả và dụng cụ chỉnh hình	\$0
Chăm sóc nhãn khoa cho trẻ em (kính mắt)	1 cặp kính mắt hoặc kính áp tròng mỗi năm ⁸
Khám thị lực cho trẻ em	\$0
Chăm sóc nhãn khoa cho người lớn (mắt kính)	Không được đài thọ ⁹
Khám thị lực cho người lớn (khám tật khúc xạ mắt)	\$0
Chăm sóc sức khỏe tại gia (tối đa 100 lần khám mỗi năm)	\$45 mỗi lần khám
Chăm sóc giai đoạn cuối đời	\$0

(tiếp theo)

¹Chương trình này có một khoản chi phí tự trả và tiền khấu trừ tối đa cố định. Mỗi thành viên trong gia đình sẽ bắt đầu thanh toán tiền đồng trả hoặc tiền đồng bảo hiểm sau khi đạt đến khoản tiền khấu trừ hoặc khoản chi phí tự trả tối đa của cá nhân đó (tùy theo quyền lợi), hoặc khi đạt đến khoản tiền khấu trừ hoặc khoản chi phí tự trả tối đa của cả gia đình. Các thành viên trong gia đình không phải trả khoản chia sẻ chi phí khi đạt đến chi phí tự trả tối đa của cá nhân đó hoặc khi đạt đến chi phí tự trả tối đa của cả gia đình.

²Chi phí tự trả tối đa là khoản tiền tối đa mà một cá nhân hoặc gia đình phải trả cho một số dịch vụ nhất định trong một năm.

³Các xét nghiệm phòng ngừa, chụp X-quang và chủng ngừa được đài thọ như một phần của dịch vụ khám phòng ngừa.

⁴Khám chăm sóc tiền sản theo lịch trình và khám hậu sản lần đầu.

⁵Khám cho trẻ em khỏe mạnh cho đến 23 tháng tuổi.

⁶Thuốc theo toa được đài thọ theo danh mục thuốc của chúng tôi khi được bác sĩ của Chương Trình kê toa và mua tại nhà thuốc thuộc Chương Trình. Một số loại thuốc có mức tiền đồng trả khác. Để biết thêm thông tin về danh mục thuốc của chúng tôi, bao gồm các loại thuốc trong bậc thuốc chuyên khoa, hãy truy cập kp.org/formulary (bằng Tiếng Anh) hoặc gọi đến Trung Tâm Liên Lạc Ban Dịch Vụ Hội Viên của chúng tôi.

⁷Cả DME cơ bản và bổ sung đều được đài thọ. Tổng giá trị quyền lợi tối đa cho DME bổ sung là \$2,000 mỗi năm dành cho các dịch vụ (sau khi trả tiền khấu trừ của chương trình). Tham khảo *Chứng Từ Bảo Hiểm* để biết thêm thông tin về những mục được đài thọ trong quyền lợi DME của quý vị.

⁸Dưới 19 tuổi. 1 cặp kính mắt, phạm vi lựa chọn giới hạn.

⁹Hội viên của Kaiser Permanente được quyền hưởng chiết khấu khi mua kính mắt và kính áp tròng tại các trung tâm kính mắt của Kaiser Permanente. Những khoản chiết khấu này không được kết hợp với các quyền lợi chăm sóc thị lực khác của Chương Trình Bảo Hiểm Sức Khỏe. Khoản chiết khấu không được áp dụng cho bất kỳ chương trình giảm giá, khuyến mại hoặc chương trình kính mắt trọn gói nào; cho hợp đồng mua kính áp tròng dài hạn; hoặc đối với các phụ kiện hoặc thiết bị hỗ trợ thị lực kém. Truy cập kp2020.org (bằng Tiếng Anh) để biết các địa điểm bán kính mắt của Kaiser Permanente.

Đây là bản tóm tắt quyền lợi và có thể thay đổi. *Chứng Từ Bảo Hiểm* của KFHP và *Chứng Nhận Bảo Hiểm* của KPIC có giải thích đầy đủ các quyền lợi, trường hợp loại trừ và giới hạn. Thông tin trong tài liệu này không nhằm mô tả tất cả các quyền lợi trong từng chương trình, cũng không được dùng làm *Chứng Từ Bảo Hiểm* hoặc *Chứng Nhận Bảo Hiểm*.